



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM NAM HÀ



Số 415 đường Hàn Thuyên, Phường Nam Định, Tỉnh Ninh Bình



www.namhapharma.com



info@namhapharma.com

QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Ninh Bình, tháng 10 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN
★

MỤC LỤC

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG.....	2
Điều 1. Mục đích.....	2
Điều 2. Đối tượng và phạm vi áp dụng.....	2
Điều 3. Căn cứ pháp lý.....	2
Điều 4. Giải thích từ ngữ & viết tắt.....	2
Điều 5. Nguyên tắc công bố thông tin.....	3
Điều 6: Người thực hiện công bố thông tin.....	4
Điều 7: Phương tiện báo cáo, công bố thông tin.....	4
Điều 8: Ngôn ngữ công bố thông tin.....	5
Điều 9: Tạm hoãn công bố thông tin.....	5
CHƯƠNG II. CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ.....	6
Điều 10: Công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận.....	6
Điều 11: Công bố báo cáo thường niên.....	7
Điều 12: Công bố thông tin về họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.....	7
Điều 13: Công bố thông tin về Báo cáo tình hình quản trị công ty.....	8
CHƯƠNG III. CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG.....	8
Điều 14: Công bố thông tin bất thường.....	8
CHƯƠNG IV: CÔNG BỐ THÔNG TIN KHÁC.....	10
Điều 15: Công bố thông tin theo yêu cầu.....	10
Điều 16: Công bố thông tin về các hoạt động khác.....	10
Điều 17. Các nghĩa vụ công bố thông tin khác.....	11
CHƯƠNG V: CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÁC ĐỐI TƯỢNG KHÁC.....	11
Điều 18: Công bố thông tin của cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của công ty; nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty.....	11
Điều 19: Công bố thông tin về giao dịch của người nội bộ của Công ty và người có liên quan của người nội bộ.....	12
Điều 20: Công bố thông tin về giao dịch chào mua công khai.....	13
CHƯƠNG VI: QUY TRÌNH CÔNG BỐ THÔNG TIN.....	13
Điều 21: Quy trình công bố thông tin.....	13
CHƯƠNG VII: TỔ CHỨC THỰC HIỆN.....	15
Điều 22: Trách nhiệm của Người công bố thông tin.....	15
Điều 23. Trách nhiệm của bộ phận phụ trách công bố thông tin.....	15
Điều 24. Trách nhiệm các đơn vị liên quan.....	15
Điều 25. Điều khoản thi hành.....	16
PHỤ LỤC 01. DANH MỤC ĐƠN VỊ CUNG CẤP THÔNG TIN CÔNG BỐ THÔNG TIN.....	17

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích

Quy chế Công bố thông tin (sau đây gọi tắt là “Quy chế”) được ban hành nhằm tạo chuẩn mực, trình tự trong việc triển khai thực hiện nghiệp vụ công bố thông tin của Công ty Cổ phần Dược phẩm Nam Hà (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đảm bảo thực hiện một cách đồng bộ, chính xác, tuân thủ đúng quy định của pháp luật của các đơn vị trong Công ty, nhà đầu tư và các đối tượng khác có liên quan.

Điều 2. Đối tượng và phạm vi áp dụng

1. Đối tượng áp dụng
 - a. Công ty Cổ phần Dược phẩm Nam Hà;
 - b. Bộ phận phụ trách công bố thông tin;
 - c. Người thực hiện công bố thông tin;
 - d. Người nội bộ của Công ty và người có liên quan của người nội bộ;
 - e. Nhà đầu tư thuộc đối tượng công bố thông tin theo quy định pháp luật;
 - f. Cổ đông của Công ty Cổ phần Dược phẩm Nam Hà;
 - g. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan khác.
2. Phạm vi áp dụng

Quy chế này quy định về cách thức, trình tự thực hiện việc công bố các thông tin liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty; đồng thời quy định việc phối hợp quan hệ công tác giữa các đơn vị/phòng/ban, cá nhân thuộc Công ty và các đối tượng liên quan khác trong việc thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin đảm bảo tính chính xác, đầy đủ, minh bạch của các thông tin công bố.

Điều 3. Căn cứ pháp lý

1. Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ban hành ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung tùy từng thời điểm (sau đây gọi tắt là “Luật Chứng khoán”);
2. Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và các văn bản sửa đổi, bổ sung tùy từng thời điểm (sau đây gọi tắt là “Nghị định 155”);
3. Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và các văn bản sửa đổi, bổ sung tùy từng thời điểm (sau đây gọi tắt là “Thông tư 96”);
4. Điều lệ Công ty Cổ phần Dược phẩm Nam Hà.

Điều 4. Giải thích từ ngữ & viết tắt

1. “**Người nội bộ**” của Công ty bao gồm:
 - a. Chủ tịch HĐQT, các thành viên HĐQT;
 - b. Người đại diện theo pháp luật;
 - c. Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý tương đương do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc Hội đồng quản trị bổ nhiệm;
 - d. Trưởng BKS và thành viên BKS;
 - e. Thư ký công ty, người phụ trách quản trị công ty, người được ủy quyền công bố thông tin;
2. “**Người có liên quan**” là cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ với nhau trong các trường hợp sau đây:
 - a. Doanh nghiệp và người nội bộ của doanh nghiệp đó;
 - b. Doanh nghiệp và tổ chức, cá nhân sở hữu trên 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết hoặc vốn góp của doanh nghiệp đó;

- c. Tổ chức, cá nhân mà trong mối quan hệ với tổ chức, cá nhân khác trực tiếp, gián tiếp kiểm soát hoặc bị kiểm soát bởi tổ chức, cá nhân đó hoặc cùng với tổ chức, cá nhân đó chịu chung một sự kiểm soát;
- d. Cá nhân và bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, vợ, chồng, con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của cá nhân đó;
- e. Quan hệ hợp đồng trong đó một tổ chức, cá nhân là đại diện cho tổ chức, cá nhân kia;
- f. Tổ chức, cá nhân khác là người có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
- 3. **“Bộ phận phụ trách công bố thông tin”** là bộ phận chức năng hoặc cá nhân được Công ty giao nhiệm vụ trực tiếp quản lý, thực hiện việc công bố thông tin theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quy chế này; cụ thể:
 - a. Ban Kế toán là đơn vị phụ trách công bố thông tin báo cáo tài chính định kỳ (bao gồm BCTC năm, bán niên, quý).
 - b. Bộ phận Pháp chế là đơn vị phụ trách công bố thông tin khác ngoại trừ trường hợp quy định tại điểm a nêu trên.
- 4. **“Tổ chức niêm yết”** là tổ chức có cổ phiếu phát hành được niêm yết trên hệ thống giao dịch chứng khoán.
- 5. **“Tổ chức đăng ký giao dịch”** là tổ chức có cổ phiếu phát hành được đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch chứng khoán.
- 6. **“Cổ đông lớn”** là cổ đông sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty.
- 7. **“Người công bố thông tin”** là người đại diện theo pháp luật của Công ty hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền.
- 8. **Viết tắt**
 - a. **“BKS”** là Ban kiểm soát;
 - b. **“BKT”** là Ban Kế toán;
 - c. **“BTC”** là Ban Tài chính;
 - d. **“BP QLCD”** là Bộ phận Quản lý cổ đông.
 - e. **“BPPC”** là Bộ phận Pháp chế;
 - f. **“CBTT”** là công bố thông tin;
 - g. **“Công ty”** là Công ty Cổ phần Dược phẩm Nam Hà;
 - h. **“ĐHĐCĐ”** là Đại hội đồng cổ đông;
 - i. **“HĐQT”** là Hội đồng Quản trị;
 - j. **“UBCKNN”** là Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
 - k. **“TGD”** là Tổng giám đốc;

Điều 5. Nguyên tắc công bố thông tin

- 1. Việc công bố thông tin phải đầy đủ, chính xác, kịp thời theo quy định pháp luật. Việc công bố các thông tin cá nhân bao gồm: Căn cước công dân, Chứng minh quân nhân, Hộ chiếu còn hiệu lực, địa chỉ liên lạc, địa chỉ thường trú, số điện thoại, số fax, thư điện tử, số tài khoản giao dịch chứng khoán, số tài khoản lưu ký chứng khoán, số tài khoản ngân hàng, mã số giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài sở hữu trên 50% vốn điều lệ chỉ được thực hiện nếu cá nhân đó đồng ý.
- 2. Đối tượng công bố thông tin phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố. Trường hợp có sự thay đổi nội dung thông tin đã công bố, đối tượng công bố thông tin phải công bố kịp thời, đầy đủ nội dung thay đổi và lý do thay đổi so với thông tin đã công bố trước đó.
- 3. Các đối tượng quy định tại Điều 2 Quy chế này khi công bố thông tin phải đồng thời báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán nơi chứng khoán đó

niêm yết, đăng ký giao dịch về nội dung thông tin công bố, bao gồm đầy đủ các thông tin theo quy định. Trường hợp thông tin công bố bao gồm các thông tin cá nhân quy định tại khoản 1 Điều này và các đối tượng công bố thông tin không đồng ý công khai các thông tin này thì phải gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán (trường hợp Công ty là tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch) 02 bản tài liệu, trong đó 01 bản bao gồm đầy đủ thông tin cá nhân và 01 bản không bao gồm thông tin cá nhân để Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán thực hiện công khai thông tin.

4. Việc công bố thông tin của Công ty phải do người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền công bố thông tin thực hiện. Việc công bố thông tin của cá nhân do cá nhân tự thực hiện hoặc ủy quyền cho tổ chức hoặc cá nhân khác thực hiện. Việc công bố thông tin do người thực hiện công bố thông tin thực hiện được quy định cụ thể tại Điều 6 Quy chế này.
5. Công ty có trách nhiệm bảo quản, lưu giữ thông tin đã công bố, báo cáo như sau:
 - a. Các thông tin công bố định kỳ, thông tin về việc đăng ký công ty đại chúng phải được lưu giữ dưới dạng văn bản (nếu có) và dữ liệu điện tử tối thiểu 10 năm. Các thông tin này phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của Công ty tối thiểu là 05 năm;
 - b. Các thông tin công bố bất thường, theo yêu cầu hoặc các hoạt động khác phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của Công ty tối thiểu là 05 năm.

Điều 6: Người thực hiện công bố thông tin

1. Người thực hiện công bố thông tin là người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền công bố thông tin theo quy định của Quy chế này và pháp luật có liên quan. Người đại diện theo pháp luật phải chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác và kịp thời về thông tin do người được ủy quyền công bố thông tin công bố. Trường hợp phát sinh sự kiện công bố thông tin mà người đại diện theo pháp luật và người được ủy quyền công bố thông tin đều vắng mặt thì thành viên giữ chức vụ cao nhất của Ban Điều hành có trách nhiệm thay thế thực hiện công bố thông tin. Trường hợp có hơn 01 người giữ chức vụ cao nhất, các thành viên còn lại của Ban Điều hành phải thực hiện bầu hoặc chỉ định 01 người chịu trách nhiệm công bố thông tin;
2. Công ty phải báo cáo, báo cáo lại thông tin về người thực hiện công bố thông tin cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán (trường hợp Công ty là tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch) trong thời hạn 24 giờ kể từ khi việc chỉ định, ủy quyền hoặc thay đổi người thực hiện công bố thông tin có hiệu lực.
3. Nhà đầu tư thuộc đối tượng công bố thông tin là cá nhân có thể tự thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin hoặc ủy quyền cho 01 tổ chức (công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đại chúng, thành viên lưu ký, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam hoặc tổ chức khác) hoặc 01 cá nhân khác thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định pháp luật.

Điều 7: Phương tiện báo cáo, công bố thông tin

1. Các phương tiện báo cáo, công bố thông tin bao gồm:
 - a. Trang thông tin điện tử (website) của công ty;
 - b. Hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
 - c. Trang thông tin điện tử của Sở giao dịch chứng khoán, phương tiện công bố thông tin khác theo Quy chế của Sở giao dịch chứng khoán (trường hợp Công ty là tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch);
 - d. Các phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định pháp luật (báo in, báo điện tử,...)
2. Trang thông tin điện tử phải được lập theo quy định sau:

- a. Công ty phải lập trang thông tin điện tử khi thực hiện thủ tục đăng ký công ty đại chúng với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
 - b. Báo cáo với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (trường hợp Công ty là tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch) và công khai địa chỉ trang thông tin điện tử và mọi thay đổi liên quan đến địa chỉ này trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất việc lập trang thông tin điện tử hoặc khi thay đổi địa chỉ trang thông tin điện tử này;
 - c. Trang thông tin điện tử phải có các nội dung về ngành, nghề kinh doanh và các nội dung phải thông báo công khai trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp và mọi thay đổi liên quan tới các nội dung này; chuyên mục riêng về quan hệ cổ đông (nhà đầu tư), trong đó phải công bố Điều lệ công ty, Quy chế công bố thông tin, Quy chế nội bộ về quản trị công ty (nếu có), Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát (nếu có), Bản cáo bạch (nếu có), các thông tin công bố định kỳ, bất thường, theo yêu cầu và các hoạt động khác theo quy định của pháp luật;
 - d. Trang thông tin điện tử phải hiển thị thời gian đăng tải thông tin, đồng thời phải đảm bảo nhà đầu tư có thể tìm kiếm và tiếp cận được các dữ liệu trên trang thông tin điện tử đó.
3. Trường hợp nghĩa vụ công bố thông tin phát sinh vào ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định pháp luật, Công ty thực hiện công bố thông tin trên phương tiện quy định tại điểm a khoản 1 Điều này và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định pháp luật vào ngày làm việc liền sau ngày nghỉ, ngày lễ.
4. Cách thức báo cáo, công bố thông tin trên hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, phương tiện công bố thông tin của Sở giao dịch chứng khoán (trường hợp Công ty là tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch) thực hiện theo hướng dẫn của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (trường hợp Công ty là tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch).

Điều 8: Ngôn ngữ công bố thông tin

1. Ngôn ngữ công bố thông tin là tiếng Việt. Trừ trường hợp quy định tại khoản 2, 3 Điều này, Công ty phải công bố thông tin định kỳ đồng thời bằng tiếng Anh kể từ ngày 01/01/2027; công bố thông tin bất thường, công bố thông tin theo yêu cầu và công bố thông tin về các hoạt động khác của Công ty đồng thời bằng tiếng Anh kể từ ngày 01/01/2028.
2. Trường hợp Công ty là tổ chức niêm yết, công ty đại chúng quy mô lớn, việc công bố thông tin định kỳ được thực hiện đồng thời bằng tiếng Anh kể từ ngày 01/01/2025.
3. Trường hợp Công ty là tổ chức niêm yết, công ty đại chúng quy mô lớn, việc công bố thông tin bất thường, công bố thông tin theo yêu cầu và công bố thông tin về các hoạt động khác đồng thời bằng tiếng Anh kể từ ngày 01/01/2026;
4. Thông tin công bố bằng tiếng Anh phải bảo đảm thống nhất với nội dung thông tin công bố bằng tiếng Việt. Trường hợp có sự khác biệt hoặc có cách hiểu khác giữa thông tin bằng tiếng Việt và tiếng Anh thì thông tin bằng tiếng Việt được áp dụng.

Điều 9: Tạm hoãn công bố thông tin

1. Công ty được tạm hoãn công bố thông tin trong trường hợp vì những lý do bất khả kháng như: Thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh và các lý do bất khả kháng khác. Công ty phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (trường hợp Công ty là tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch) về việc tạm hoãn công bố thông tin ngay khi xảy ra sự kiện (trong đó nêu rõ lý do của việc tạm hoãn công bố thông tin), đồng thời công bố về việc tạm hoãn công bố thông tin.
2. Ngay sau khi đã khắc phục được tình trạng bất khả kháng, Công ty có trách nhiệm công bố đầy đủ các thông tin mà trước đó chưa công bố theo quy định pháp luật.

CHƯƠNG II. CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

Điều 10: Công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận

1. Công ty phải công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận theo nguyên tắc sau:
 - a. Báo cáo tài chính phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp.
 - b. Trường hợp Công ty là công ty mẹ của tổ chức khác, Công ty phải công bố 02 báo cáo: báo cáo tài chính năm của riêng đơn vị mình và báo cáo tài chính năm hợp nhất theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp.
 - c. Trường hợp Công ty là đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng phải công bố báo cáo tài chính năm tổng hợp theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp.
 - d. Trường hợp Công ty là công ty mẹ của tổ chức khác, đồng thời là đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng, Công ty phải công bố 02 báo cáo: báo cáo tài chính năm tổng hợp và báo cáo tài chính năm hợp nhất theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp.
 - e. Công ty phải công bố thông tin về báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm cả báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính đó và văn bản giải trình của Công ty trong trường hợp tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính.
2. Thời hạn công bố báo cáo tài chính năm: Công ty phải công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không vượt quá 90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
3. Trường hợp Công ty trở thành tổ chức niêm yết cổ phiếu, công ty đại chúng quy mô lớn thì ngoài nghĩa vụ công bố thông tin quy định tại khoản 1, 2 nêu trên, Công ty phải công bố thông tin sau:
 - a. Công bố báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận.
 - Báo cáo tài chính bán niên phải là báo cáo tài chính giữa niên độ dạng đầy đủ theo Chuẩn mực kế toán "Báo cáo tài chính giữa niên độ", trình bày số liệu tài chính trong 06 tháng đầu năm tài chính của Công ty, được lập theo quy định tại khoản 1 Điều này;
 - Báo cáo tài chính bán niên phải được soát xét theo Chuẩn mực về công tác soát xét báo cáo tài chính. Toàn văn báo cáo tài chính bán niên phải được công bố đầy đủ, kèm theo kết luận soát xét và văn bản giải trình của công ty trong trường hợp kết luận soát xét không phải là kết luận chấp nhận toàn phần;
 - Thời hạn công bố: trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng không được vượt quá 45 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính. Trường hợp Công ty là công ty mẹ của tổ chức khác hoặc là đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng thì phải công bố báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng tối đa không quá 60 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính.
 - b. Công bố báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính quý đã được soát xét (nếu có).

- Báo cáo tài chính quý phải là báo cáo tài chính giữa niên độ dạng đầy đủ theo Chuẩn mực kế toán “Báo cáo tài chính giữa niên độ”, được lập theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Quy chế này;
- Toàn văn báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính quý đã được soát xét (nếu có) phải được công bố đầy đủ, kèm theo kết luận soát xét và văn bản giải trình của Công ty trong trường hợp báo cáo tài chính quý được soát xét có kết luận soát xét không phải là kết luận chấp nhận toàn phần;
- Thời hạn công bố:
 - ✓ Công bố báo cáo tài chính quý: Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày kết thúc quý. Trường hợp Công ty là công ty mẹ của tổ chức khác hoặc là đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng thì phải công bố báo cáo tài chính quý trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc quý.
 - ✓ Công bố báo cáo tài chính quý được soát xét (nếu có) trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng không được vượt quá 45 ngày, kể từ ngày kết thúc quý.
 - ✓ Trường hợp Công ty đã thực hiện công bố Báo cáo tài chính quý đã được soát xét trong thời hạn quy định của Báo cáo tài chính quý thì không phải thực hiện công bố Báo cáo tài chính quý.
- 4. Khi công bố thông tin các báo cáo tài chính nêu tại khoản 1, 3 Điều này, Công ty phải đồng thời giải trình nguyên nhân khi xảy ra một trong các trường hợp sau:
 - a. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước;
 - b. Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại;
 - c. Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán hoặc soát xét từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại.
- 5. Trường hợp Công ty là công ty mẹ của tổ chức khác hoặc đồng thời là đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng phải giải trình nguyên nhân phát sinh các sự kiện quy định tại khoản 4 Điều này trên cơ sở báo cáo tài chính của công ty mẹ hoặc báo cáo tài chính tổng hợp và báo cáo tài chính hợp nhất.

Điều 11: Công bố báo cáo thường niên

1. Công ty phải lập báo cáo thường niên theo mẫu pháp luật quy định và công bố báo cáo này trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày công bố báo cáo tài chính năm được kiểm toán nhưng không vượt quá 110 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
2. Thông tin tài chính trong báo cáo thường niên phải phù hợp với báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán.

Điều 12: Công bố thông tin về họp Đại hội đồng cổ đông thường niên

1. Tối thiểu 21 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn dài hơn, Công ty phải công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và của Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (trường hợp Công ty là tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch) về việc họp Đại hội đồng cổ đông, trong đó nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông, bao gồm: thông báo mời họp, chương trình họp, phiếu biểu quyết, tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết

đối với từng vấn đề trong chương trình họp. Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông phải được cập nhật các nội dung sửa đổi, bổ sung (nếu có);

2. Biên bản họp, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên và tài liệu kèm theo trong biên bản, nghị quyết phải được công bố theo thời hạn quy định tại điểm c khoản 1 Điều 14 Quy chế này.

Điều 13: Công bố thông tin về Báo cáo tình hình quản trị công ty

Công ty phải công bố thông tin về báo cáo tình hình quản trị công ty (theo mẫu) trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm và kết thúc năm dương lịch.

CHƯƠNG III. CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

Điều 14: Công bố thông tin bất thường

1. Công ty phải công bố thông tin bất thường trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:
 - a. Tài khoản của công ty tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị phong tỏa theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc khi tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán phát hiện có dấu hiệu gian lận, vi phạm pháp luật liên quan đến tài khoản thanh toán; tài khoản được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa trong các trường hợp quy định tại điểm này;
 - b. Khi nhận được văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc khi công ty có quyết định về tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh; thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp; thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; sửa đổi, bổ sung hoặc bị đình chỉ, thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động;
 - c. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất thường. Tài liệu công bố bao gồm: Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, biên bản họp và tài liệu kèm theo biên bản, nghị quyết hoặc biên bản kiểm phiếu (trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản). Trường hợp Đại hội đồng cổ đông thông qua việc hủy niêm yết, công ty phải công bố thông tin về việc hủy niêm yết kèm theo tỷ lệ thông qua của cổ đông không phải là cổ đông lớn;
 - d. Quyết định mua lại cổ phiếu của công ty hoặc bán cổ phiếu quỹ; ngày thực hiện quyền mua cổ phần của người sở hữu trái phiếu kèm theo quyền mua cổ phần hoặc ngày thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu; quyết định chào bán chứng khoán ra nước ngoài và các quyết định liên quan đến việc chào bán, phát hành chứng khoán;
 - e. Quyết định về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, thời gian trả cổ tức; quyết định tách, gộp cổ phiếu;
 - f. Quyết định về việc tổ chức lại doanh nghiệp (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp), giải thể, phá sản doanh nghiệp; thay đổi mã số thuế, thay đổi tên công ty, con dấu của công ty; thay đổi địa điểm; thành lập mới hoặc đóng cửa trụ sở chính, chi nhánh, nhà máy, văn phòng đại diện; ban hành, sửa đổi, bổ sung Điều lệ; chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;
 - g. Quyết định thay đổi kỳ kế toán, chính sách kế toán áp dụng (trừ trường hợp thay đổi chính sách kế toán áp dụng do thay đổi quy định pháp luật); thông báo doanh nghiệp kiểm toán đã ký hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính năm hoặc thay đổi doanh nghiệp kiểm toán (sau khi đã ký hợp đồng); việc hủy hợp đồng kiểm toán đã ký;
 - h. Quyết định tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên kết hoặc bán để giảm tỷ lệ sở hữu tại công ty con, công ty liên kết dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên kết hoặc giải thể công ty con, công ty liên kết;

- i. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ hoặc người có liên quan của công ty đại chúng;
- j. Khi có sự thay đổi số cổ phiếu có quyền biểu quyết. Thời điểm công bố thông tin thực hiện như sau:
 - Trường hợp công ty phát hành thêm cổ phiếu hoặc chuyển đổi trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi thành cổ phiếu, tính từ thời điểm công ty báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về kết quả phát hành, kết quả chuyển đổi theo quy định pháp luật về phát hành chứng khoán;
 - Trường hợp công ty mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc bán cổ phiếu quỹ, tính từ thời điểm công ty báo cáo kết quả giao dịch theo quy định pháp luật về mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ;
 - Trường hợp công ty mua lại cổ phiếu của người lao động theo quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động của công ty hoặc mua lại cổ phiếu lẻ theo yêu cầu của cổ đông, công ty công bố thông tin trong thời hạn 10 ngày đầu tiên của tháng trên cơ sở các giao dịch đã hoàn tất và cập nhật đến ngày công bố thông tin;
- k. Công ty thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ; nhận được đơn xin từ chức của người nội bộ (nêu rõ về thời điểm hiệu lực theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty). Đồng thời, công ty gửi cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (trường hợp là Công ty là tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch) Bản cung cấp thông tin của người nội bộ mới theo mẫu pháp luật quy định.
- l. Quyết định mua, bán tài sản hoặc thực hiện các giao dịch có giá trị lớn hơn 15% tổng tài sản của công ty căn cứ vào báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính 06 tháng gần nhất được soát xét. Trường hợp Công ty là công ty mẹ thì căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất;
- m. Khi nhận được quyết định khởi tố đối với công ty, người nội bộ của công ty; tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người nội bộ của công ty;
- n. Khi nhận được bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án liên quan đến hoạt động của công ty; Quyết định xử phạt vi phạm pháp luật về thuế;
- o. Công ty nhận được thông báo của Tòa án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp;
- p. Trường hợp công ty nhận biết được sự kiện, thông tin làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán của chính công ty, công ty phải xác nhận hoặc đính chính về sự kiện, thông tin đó;
- q. Khi xảy ra các sự kiện khác có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc tình hình quản trị của công ty;
- r. Được chấp thuận hoặc hủy bỏ niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán nước ngoài.
- 2. Khi Công ty trở thành tổ chức niêm yết cổ phiếu, công ty đại chúng quy mô lớn, ngoài các trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều này, Công ty phải công bố thông tin bất thường trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:
 - a. Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ;
 - b. Quyết định góp vốn đầu tư vào một tổ chức, dự án, vay, cho vay hoặc các giao dịch khác với giá trị từ 10% trở lên trên tổng tài sản của công ty tại báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét (căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất đối với trường hợp công ty là công ty mẹ);
 - c. Quyết định góp vốn có giá trị từ 50% trở lên vốn điều lệ của một tổ chức (xác định theo vốn điều lệ của tổ chức nhận vốn góp trước thời điểm góp vốn).
- 3. Khi công bố thông tin theo quy định tại khoản 1 Điều này, công ty phải nêu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân và các giải pháp khắc phục (nếu có).

4. Công bố thông tin về họp Đại hội đồng cổ đông bất thường hoặc thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.
 - a. Việc công bố thông tin về họp Đại hội đồng cổ đông bất thường thực hiện theo quy định tại Điều 12 Quy chế này;
 - b. Trường hợp lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản tối thiểu 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn khác dài hơn, Công ty phải công bố trên trang thông tin điện tử của mình, đồng thời gửi cho tất cả các cổ đông phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết.
5. Công bố thông tin liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu
 - a. Công ty công bố thông tin về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu tối thiểu 10 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này;
 - b. Công ty công bố thông tin về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu để tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến.
6. Trường hợp tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến kiểm toán hoặc kết luận soát xét không phải là ý kiến kiểm toán hoặc kết luận soát xét chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính hoặc báo cáo tài chính có điều chỉnh hồi tố, Công ty phải công bố thông tin về ý kiến kiểm toán, kết luận soát xét, kết quả điều chỉnh hồi tố báo cáo tài chính trong thời hạn theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Quy chế này.
7. Công bố thông tin trong các trường hợp đặc biệt khác
 Sau khi thay đổi kỳ kế toán, Công ty công bố báo cáo tài chính cho giai đoạn giữa 02 kỳ kế toán của năm tài chính cũ và năm tài chính mới theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không quá 90 ngày kể từ ngày bắt đầu của năm tài chính mới.

CHƯƠNG IV: CÔNG BỐ THÔNG TIN KHÁC

Điều 15: Công bố thông tin theo yêu cầu

1. Công ty phải công bố thông tin trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi nhận được yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi Công ty niêm yết, đăng ký giao dịch khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:
 - a. Sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư;
 - b. Có thông tin liên quan đến công ty ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán và cần phải xác nhận thông tin đó.
2. Nội dung thông tin công bố theo yêu cầu phải nêu rõ sự kiện được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán yêu cầu công bố; nguyên nhân và đánh giá của công ty về tính xác thực của sự kiện đó, giải pháp khắc phục (nếu có).

Điều 16: Công bố thông tin về các hoạt động khác

1. Công bố thông tin về hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn.

Công ty thực hiện chào bán chứng khoán riêng lẻ, chào bán chứng khoán ra công chúng, phát hành chứng khoán, niêm yết, đăng ký giao dịch thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin về hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn theo quy định pháp luật về chào bán, phát hành chứng khoán, niêm yết, đăng ký giao dịch chứng khoán.

2. Công bố thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài

Công ty phải công bố thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của công ty mình và các thay đổi liên quan đến tỷ lệ sở hữu này trên trang thông tin điện tử của công ty, Sở giao dịch chứng khoán, Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam và hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo quy định pháp luật chứng khoán hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

3. Công bố thông tin về giao dịch mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ

- a. Trường hợp công ty mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc bán cổ phiếu quỹ, công ty phải thực hiện công bố thông tin theo quy định pháp luật về việc mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ.
- b. Trường hợp công ty mua lại cổ phiếu của chính mình, sau khi thanh toán hết số cổ phiếu mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán giảm hơn 10% thì công ty phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết và công bố thông tin trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày hoàn tất nghĩa vụ thanh toán việc mua lại cổ phiếu.

Điều 17. Các nghĩa vụ công bố thông tin khác

Trường hợp cổ phiếu của Công ty được niêm yết hoặc đăng ký giao dịch, lưu ký chứng khoán, ngoài nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định đối với công ty đại chúng, Công ty còn phải tuân thủ các quy định về công bố thông tin của Sở giao dịch chứng khoán và Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

CHƯƠNG V: CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÁC ĐỐI TƯỢNG KHÁC

Điều 18: Công bố thông tin của cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của công ty; nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty

1. Tổ chức, cá nhân khi trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn của công ty phải công bố thông tin và báo cáo về giao dịch cho công ty, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (trường hợp Công ty là tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch) (theo mẫu) trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn.
2. Cổ đông lớn của công ty khi có thay đổi về số lượng cổ phiếu sở hữu qua các ngưỡng 1% số cổ phiếu có quyền biểu quyết phải công bố thông tin và báo cáo (theo mẫu) cho công ty, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (trường hợp Công ty là tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch) trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày có sự thay đổi trên.
3. Thời điểm bắt đầu, kết thúc việc trở thành cổ đông lớn hoặc thời điểm thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu qua các ngưỡng 1% nêu tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được tính kể từ ngày hoàn tất giao dịch chứng khoán.
4. Quy định tại khoản 1, 2 và 3 Điều này cũng áp dụng đối với nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của công ty; nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty. Nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty thực hiện công bố thông tin (theo mẫu) căn cứ trên tổng số lượng cổ phiếu mà nhóm nhà đầu tư nước ngoài đó nắm giữ.
5. Quy định tại khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này không áp dụng đối với các đối tượng không chủ động thực hiện giao dịch trong trường hợp thay đổi tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu có quyền biểu quyết phát sinh do công ty mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc công ty phát hành thêm cổ phiếu.

6. Công ty phải công bố trên trang thông tin điện tử của công ty trong thời hạn 03 ngày làm việc sau khi nhận được báo cáo liên quan đến sự thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của các đối tượng được quy định tại Điều này.

Điều 19: Công bố thông tin về giao dịch của người nội bộ của Công ty và người có liên quan của người nội bộ

1. Người nội bộ của công ty và người có liên quan phải công bố thông tin, báo cáo trước và sau khi thực hiện giao dịch cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (trường hợp Công ty là tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch) và báo cáo cho Công ty khi giá trị giao dịch dự kiến trong ngày từ 50 triệu đồng trở lên hoặc giá trị giao dịch dự kiến trong từng tháng từ 200 triệu đồng trở lên tính theo mệnh giá (đối với cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, chứng chỉ quỹ) hoặc giá trị chuyển nhượng (đối với quyền mua cổ phiếu, quyền mua trái phiếu chuyển đổi, quyền mua chứng chỉ quỹ), kể cả trường hợp chuyển nhượng không thông qua hệ thống giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán (như các giao dịch cho hoặc được cho, tặng hoặc được tặng, thừa kế, chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng chứng khoán và các trường hợp khác), cụ thể như sau:
 - a. Trước ngày dự kiến thực hiện giao dịch tối thiểu 03 ngày làm việc, người nội bộ và người có liên quan phải công bố thông tin (theo mẫu) về việc dự kiến giao dịch;
 - b. Thời hạn thực hiện giao dịch không được quá 30 ngày, kể từ ngày đăng ký thực hiện giao dịch. Người nội bộ và người có liên quan phải thực hiện theo thời gian, khối lượng, giá trị do Sở giao dịch chứng khoán (trường hợp Công ty là tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch) đã công bố thông tin và chỉ được thực hiện giao dịch đầu tiên vào ngày giao dịch liền sau ngày có thông tin công bố từ Sở giao dịch chứng khoán (trường hợp Công ty là tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch);
 - c. Trường hợp thực hiện giao dịch mua trong các đợt phát hành cổ phiếu, chứng chỉ quỹ hoặc giao dịch chào mua công khai, đối tượng phải công bố thông tin theo quy định tại Điều này được miễn trừ nghĩa vụ quy định tại điểm b khoản này và thực hiện theo quy định pháp luật về hoạt động chào bán, phát hành, chào mua công khai;
 - d. Người nội bộ và người có liên quan không được đồng thời đăng ký, giao dịch mua và bán cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, quyền mua trái phiếu chuyển đổi, chứng chỉ quỹ, quyền mua chứng chỉ quỹ hoặc chứng quyền có bảo đảm trong cùng một đợt đăng ký, giao dịch và chỉ được đăng ký, thực hiện giao dịch tiếp theo khi đã báo cáo kết thúc đợt giao dịch trước đó;
 - e. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất giao dịch (trường hợp giao dịch kết thúc trước thời hạn đăng ký) hoặc kết thúc thời hạn dự kiến giao dịch, người nội bộ và người có liên quan phải công bố thông tin (theo mẫu) về kết quả giao dịch đồng thời giải trình nguyên nhân không thực hiện được giao dịch hoặc không thực hiện hết khối lượng đăng ký (nếu có);
 - f. Người nội bộ và người có liên quan là đối tượng phải thực hiện báo cáo, công bố thông tin theo quy định tại khoản này đồng thời là đối tượng phải thực hiện báo cáo, công bố thông tin theo quy định tại Điều 18 Quy chế này thì chỉ phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin áp dụng đối với người nội bộ và người có liên quan.
2. Người nội bộ và người có liên quan không thuộc đối tượng phải thực hiện báo cáo, công bố thông tin theo quy định tại khoản 1 Điều này đồng thời là đối tượng phải thực hiện báo cáo, công bố thông tin theo quy định tại Điều 18 Quy chế này thì phải thực hiện nghĩa vụ báo cáo, công bố thông tin theo quy định tại Điều 18 Quy chế này.
3. Trường hợp sau khi đăng ký giao dịch, đối tượng đăng ký giao dịch không còn là người nội bộ của công ty hoặc người có liên quan, đối tượng đăng ký giao dịch vẫn phải thực hiện việc báo cáo và công bố thông tin theo quy định tại khoản 1 Điều này.

4. Trường hợp công ty mẹ, các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội (công đoàn, đoàn thanh niên,...), cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ công ty thực hiện giao dịch chứng khoán của công ty phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin áp dụng đối với người nội bộ và người có liên quan.
5. Trong thời hạn 03 ngày làm việc sau khi nhận được các báo cáo liên quan đến giao dịch chứng khoán của người nội bộ và người có liên quan theo quy định tại Điều này, công ty phải công bố trên trang thông tin điện tử của công ty.

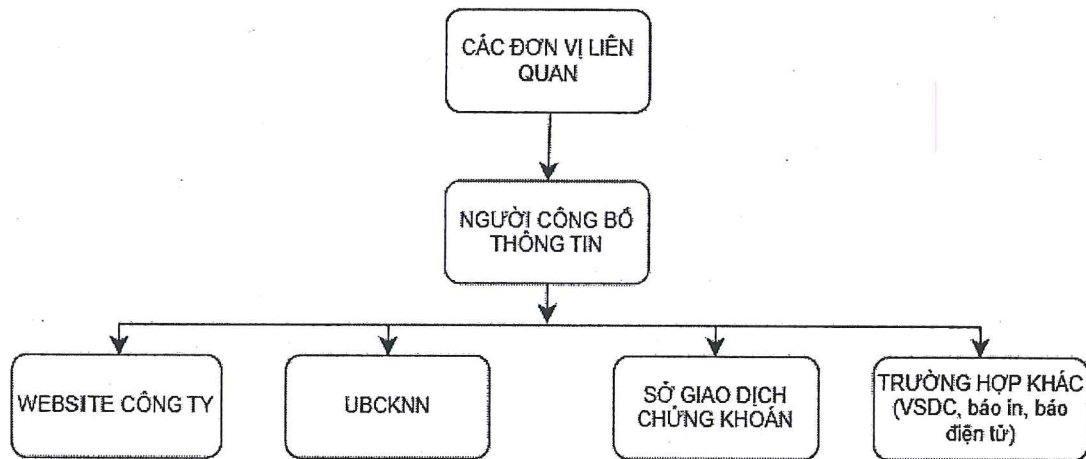
Điều 20: Công bố thông tin về giao dịch chào mua công khai

Tổ chức, cá nhân chào mua công khai, Công ty phải thực hiện công bố thông tin theo quy định pháp luật về chào mua công khai.

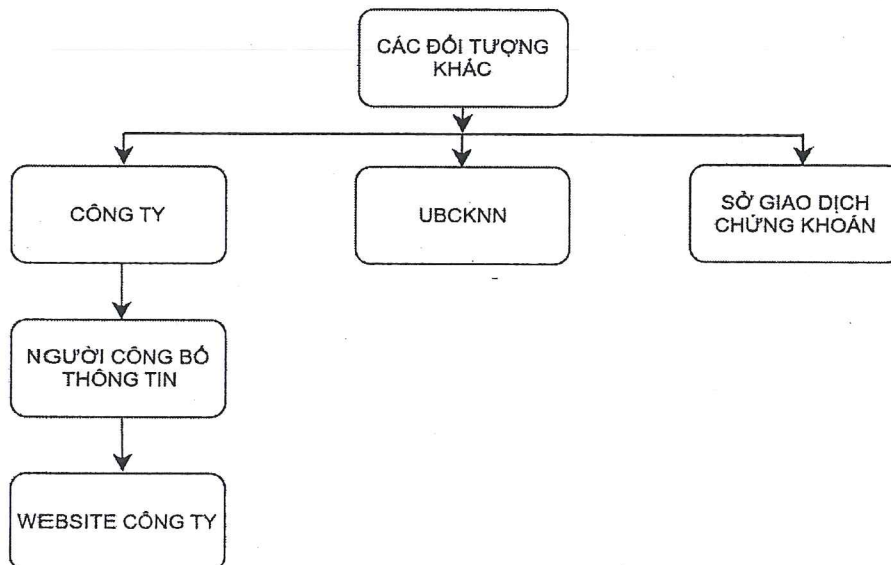
CHƯƠNG VI: QUY TRÌNH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 21: Quy trình công bố thông tin

- a. Lưu đồ áp dụng đối với các phòng ban liên quan trong Công ty



- b. Lưu đồ áp dụng với các đối tượng khác



Thông tin đầu mối tiếp nhận công bố thông tin từ các đối tượng khác như sau:

- Bộ phận quản lý cổ đông:
- + Địa chỉ:
 - ✓ Số 415 đường Hàn Thuyên, phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình.

c. Quy trình chi tiết áp dụng trong việc công bố thông tin tại Công ty

- Lưu đồ chi tiết:

STT	Nội dung thực hiện	Đơn vị thực hiện
1	<pre> graph TD A([Chuẩn bị]) --> B[Kiểm tra và rà soát] B -- "Không thuộc trường hợp CBTT" --> A B --> C{Phê duyệt} C -- "Không duyệt" --> B C --> D[Công bố thông tin] D --> E([Lưu hồ sơ]) </pre>	Đơn vị cung cấp thông tin (Theo Phụ lục I đính kèm Quy chế này)
2		Bộ phận phụ trách CBTT
3		Người công bố thông tin
4		Bộ phận phụ trách CBTT và đơn vị hỗ trợ
5		Bộ phận phụ trách CBTT

- Diễn giải

➤ **Bước 1:** Chuẩn bị thông tin công bố

Đơn vị cung cấp thông tin có trách nhiệm chuẩn bị, cung cấp tài liệu cần công bố thông tin cho Bộ phận phụ trách CBTT.

Thời gian thực hiện:

- Đối với trường hợp CBTT định kỳ: Cung cấp tối thiểu 04 ngày làm việc trước thời hạn cuối cùng phải công bố.
- Đối với trường hợp CBTT bất thường 24 giờ: Cung cấp ngay khi phát sinh sự kiện nhưng phải đảm bảo tối thiểu 06 giờ làm việc trước thời hạn cuối cùng phải công bố.
- Đối với trường hợp CBTT bất thường khác: Cung cấp tối thiểu 03 ngày làm việc trước thời hạn cuối cùng phải công bố.

➤ **Bước 2:** Kiểm tra và soát xét thông tin công bố

Bộ phận phụ trách CBTT xem xét, kiểm tra tài liệu tiếp nhận từ đơn vị cung cấp thông tin, xác định thuộc trường hợp CBTT thì soạn thảo văn bản công bố thông tin (theo mẫu) quy định trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Thời gian thực hiện:

- Không quá 02 giờ kể từ thời điểm nhận được tài liệu từ đơn vị cung cấp thông tin đối với trường hợp CBTT bất thường 24 giờ.
- Không quá 01 ngày làm việc kể từ thời điểm nhận được tài liệu từ đơn vị cung cấp thông tin đối với trường hợp CBTT bất thường khác.

- Không quá 02 ngày làm việc kể từ thời điểm nhận được tài liệu từ đơn vị cung cấp thông tin đối với trường hợp CBTT định kỳ.

➤ **Bước 3:** Phê duyệt

Bộ phận phụ trách CBTT trình người công bố thông tin xem xét, phê duyệt.

Thời gian thực hiện:

- Không quá 03 giờ đối với trường hợp CBTT bất thường 24h;
- Không quá 01 ngày làm việc đối với trường hợp CBTT bất thường khác;
- Không quá 02 ngày làm việc đối với trường hợp CBTT định kỳ.

➤ **Bước 4:** Công bố thông tin

Bộ phận phụ trách CBTT phối hợp với các đơn vị liên quan thực hiện công bố thông tin trên các phương tiện theo quy định của Quy chế này, đảm bảo thông tin được công bố đúng thời hạn quy định.

Thời gian thực hiện: Tuân thủ theo quy định pháp luật.

➤ **Bước 5:** Lưu trữ

Bộ phận phụ trách CBTT thực hiện lưu trữ các thông tin công bố đầy đủ, đúng thời hạn theo quy định.

Ghi chú: Thời gian thực hiện nêu trên chỉ mang tính ước tính. Các đơn vị liên quan có trách nhiệm chủ động xử lý công việc và cung cấp thông tin ngay khi tiếp nhận, nhằm bảo đảm việc công bố được thực hiện đầy đủ, kịp thời và đúng quy định.

CHƯƠNG VII: TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 22: Trách nhiệm của Người công bố thông tin

1. Giám sát việc thực hiện công bố thông tin đúng quy định.
2. Chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị về việc thực hiện công bố thông tin.

Điều 23. Trách nhiệm của bộ phận phụ trách công bố thông tin

1. Tham mưu cho Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc về công tác công bố thông tin của Công ty.
2. Tổ chức thực hiện việc công bố thông tin kịp thời, đầy đủ, chính xác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế công bố thông tin.
3. Đầu mối tiếp nhận, tổng hợp và kiểm tra tính hợp lệ của các thông tin trước khi công bố.
4. Phối hợp với đơn vị cung cấp thông tin để rà soát, xác minh tính chính xác của dữ liệu, tài liệu trước khi công bố.
5. Lưu trữ hồ sơ, tài liệu liên quan đến công bố thông tin để phục vụ việc tra cứu, kiểm tra và thanh tra theo quy định.

Điều 24. Trách nhiệm các đơn vị liên quan

1. Cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác các thông tin thuộc phạm vi quản lý, hoạt động của đơn vị mình trong thời hạn quy định hoặc khi có yêu cầu từ Bộ phận phụ trách công bố thông tin.
2. Chủ động thông báo ngay cho Bộ phận phụ trách công bố thông tin khi phát sinh sự kiện, vấn đề có thể ảnh hưởng đến nghĩa vụ công bố thông tin của Công ty.
3. Đơn vị quản lý website của Công ty có trách nhiệm:

- a. Đăng tải lên website đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin công bố theo yêu cầu của Bộ phận phụ trách công bố thông tin, bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật và Quy chế công bố thông tin của Công ty;
- b. Duy trì website hoạt động thông suốt, ổn định, bảo đảm khả năng truy cập của cơ quan có thẩm quyền, cổ đông, nhà đầu tư quan tâm;
- c. Duy trì trên website các tài liệu, thông tin đã công bố để phục vụ việc tra cứu, kiểm tra khi cần thiết;
- d. Phối hợp với Bộ phận phụ trách công bố thông tin trong việc thiết kế, trình bày và sắp xếp thông tin trên website theo hướng rõ ràng, khoa học, dễ tiếp cận, nhằm bảo đảm tính minh bạch và tạo điều kiện thuận lợi cho cổ đông, nhà đầu tư tiếp nhận thông tin.

Điều 25. Điều khoản thi hành

1. Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm các quy định tại Quy chế này hoặc các quy định pháp luật về công bố thông tin, gây thiệt hại cho Công ty thì phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước Công ty về hành vi vi phạm của mình, đồng thời có nghĩa vụ bồi thường toàn bộ thiệt hại phát sinh theo quy định pháp luật.
2. Các vấn đề có liên quan nhưng chưa được quy định trong Quy chế này sẽ được áp dụng theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, cũng như theo các quy định pháp luật có liên quan.
3. Trường hợp có sự khác biệt hoặc mâu thuẫn giữa Quy chế này với Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty hoặc với quy định của pháp luật, thì quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty sẽ được ưu tiên áp dụng.
4. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày được ký ban hành. Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, các cá nhân, đơn vị liên quan có trách nhiệm thi hành.

**CHỦ TỊCH HĐQT**

NGUYỄN THỊ NGỌC OANH

PHỤ LỤC 01. DANH MỤC ĐƠN VỊ CUNG CẤP THÔNG TIN CÔNG BỐ THÔNG TIN

(Kèm theo Quy chế công bố thông tin ban hành ngày 16/10/2025)

STT	Loại thông tin công bố	Đơn vị cung cấp thông tin	Thời hạn công bố thông tin	Biểu mẫu
A	Công bố thông tin định kỳ			
1	Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận	Ban Kế toán	10 ngày kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không quá 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính	Theo quy định pháp luật về kế toán
2	Báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét (Khi trở thành tổ chức niêm yết, công ty đại chúng quy mô lớn và không thuộc trường hợp quy định tại mục 3 dưới đây)	Ban Kế toán	05 ngày kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng không vượt quá 45 ngày kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính	
3	Báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét (Khi trở thành tổ chức niêm yết, công ty đại chúng quy mô lớn và là công ty mẹ của tổ chức khác hoặc đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng)	Ban Kế toán	05 ngày kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng không vượt quá 60 ngày kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính	
4	Báo cáo tài chính quý (Khi trở thành tổ chức niêm yết, công ty đại chúng quy mô lớn và không thuộc trường hợp quy định tại mục 5 dưới đây)	Ban Kế toán	20 ngày kể từ ngày kết thúc quý	
5	Báo cáo tài chính quý (Khi trở thành tổ chức niêm yết, công ty đại chúng quy mô lớn và là công ty mẹ của tổ chức khác hoặc đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng)	Ban Kế toán	30 ngày kể từ ngày kết thúc quý	

STT	Loại thông tin công bố	Đơn vị cung cấp thông tin	Thời hạn công bố thông tin	Biểu mẫu
6	Báo cáo tài chính quý đã được soát xét (nếu có) (Khi trở thành tổ chức niêm yết, công ty đại chúng quy mô lớn) Ghi chú: Nếu đã công bố trong thời hạn của BCTC quý thì không cần thực hiện công bố BCTC quý	Ban Kế toán	05 ngày kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng không quá 45 ngày kể từ ngày kết thúc quý	Theo quy định pháp luật về kế toán
7	Tổ chức đại hội đồng cổ đông thường niên (thông báo mời họp và các tài liệu cuộc họp)	BP QLCĐ	Trước ít nhất 21 ngày trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ	Theo quy định Luật Doanh nghiệp
8	Biên bản và Nghị quyết họp ĐHĐCĐ thường niên	BP QLCĐ	24h kể từ khi thông qua	
9	Báo cáo thường niên	BPPC	20 ngày kể từ ngày công bố BCTC năm đã được kiểm toán nhưng không vượt quá 110 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính	Phụ lục IV Thông tư 96
10	Báo cáo tình hình quản trị 06 tháng	BPPC	30 ngày kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm	Phụ lục V Thông tư 96
11	Báo cáo tình hình quản trị năm	BPPC	30 ngày kể từ ngày kết thúc năm dương lịch	Phụ lục V Thông tư 96
B	Công bố thông tin bất thường			
1	- Tài khoản của Công ty tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị phong tỏa theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc khi tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán phát hiện có dấu hiệu gian lận, vi phạm pháp luật liên quan đến tài khoản thanh toán; - Tài khoản được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa trong các trường hợp quy định nêu trên	Ban Tài chính	24h kể từ khi xảy ra sự kiện	

STT	Loại thông tin công bố	Đơn vị cung cấp thông tin	Thời hạn công bố thông tin	Biểu mẫu
2	- Quyết định mua lại cổ phiếu của Công ty hoặc bán cổ phiếu quỹ; - Ngày thực hiện quyền mua cổ phần của người sở hữu trái phiếu kèm theo quyền mua cổ phần hoặc ngày thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu; - Quyết định chào bán chứng khoán ra nước ngoài và các quyết định liên quan đến việc chào bán, phát hành chứng khoán;	Ban Tài chính	24h kể từ khi xảy ra sự kiện	
3	Quyết định tách, gộp cổ phiếu	Ban Tài chính	24h kể từ khi xảy ra sự kiện	
4	Quyết định về chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của công ty	Ban Tài chính	24h kể từ khi xảy ra sự kiện	
5	Quyết định tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên kết hoặc bán để giảm tỷ lệ sở hữu tại công ty con, công ty liên kết dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên kết hoặc giải thể công ty con, công ty liên kết	Ban Tài chính	24h kể từ khi xảy ra sự kiện	
6	Khi có sự thay đổi số cổ phiếu có quyền biểu quyết:			
a	Trường hợp công ty phát hành thêm cổ phiếu hoặc chuyển đổi trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi thành cổ phiếu	Ban Tài chính	24h kể từ thời điểm công ty báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về kết quả phát hành, kết quả chuyển đổi theo quy định pháp luật về phát hành chứng khoán	

STT	Loại thông tin công bố	Đơn vị cung cấp thông tin	Thời hạn công bố thông tin	Biểu mẫu
b	Trường hợp công ty mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc bán cổ phiếu quỹ	Ban Tài chính	24h kể từ thời điểm công ty báo cáo kết quả giao dịch theo quy định pháp luật về mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ;	
c	Trường hợp công ty mua lại cổ phiếu của người lao động theo quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động của công ty hoặc mua lại cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của cổ đông	Ban Tài chính	10 ngày đầu tiên của tháng trên cơ sở các giao dịch đã hoàn tất và cập nhật đến ngày công bố thông tin	
7	Trường hợp công ty nhận biết được sự kiện, thông tin làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán của chính công ty, công ty phải xác nhận hoặc đính chính về sự kiện, thông tin đó	Ban Tài chính	24h kể từ khi xảy ra sự kiện	
8	Khi xảy ra các sự kiện khác có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc tình hình quản trị của công ty	Ban Tài chính	24h kể từ khi xảy ra sự kiện	
9	Được chấp thuận hoặc hủy bỏ niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán nước ngoài.	Ban Tài chính	24h kể từ khi xảy ra sự kiện	
10	Quyết định mua, bán tài sản hoặc thực hiện các giao dịch có giá trị lớn hơn 15% tổng tài sản của Công ty	Ban Tài chính	24h kể từ khi xảy ra sự kiện	
11	Quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ hoặc người có liên quan của công ty	Ban Tài chính	24h kể từ khi xảy ra sự kiện	
12	Quyết định thay đổi kỳ kế toán, chính sách kế toán áp dụng (trừ trường hợp thay đổi chính sách kế toán áp dụng do thay đổi quy định pháp luật);	Ban Kế toán	24h kể từ khi xảy ra sự kiện	

STT	Loại thông tin công bố	Đơn vị cung cấp thông tin	Thời hạn công bố thông tin	Biểu mẫu
13	Thông báo doanh nghiệp kiểm toán đã ký hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính năm hoặc thay đổi doanh nghiệp kiểm toán (sau khi đã ký hợp đồng); việc hủy hợp đồng kiểm toán đã ký;	Ban Kế toán	24h kể từ khi xảy ra sự kiện	
14	Quyết định xử phạt vi phạm pháp luật về thuế	Ban Kế toán	24h kể từ khi xảy ra sự kiện	
15	Thông tin về ý kiến kiểm toán, kết luận soát xét, kết quả điều chỉnh hồi tố báo cáo tài chính	Ban Kế toán	Cùng thời điểm công bố thông tin BCTC	
16	Báo cáo tài chính cho giai đoạn giữa 02 kỳ kế toán của năm tài chính cũ và năm tài chính mới theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp sau khi thay đổi kỳ kế toán	Ban Kế toán	10 ngày kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không quá 90 ngày kể từ ngày bắt đầu của năm tài chính mới	
17	Khi nhận được văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc khi Công ty có quyết định về: - Tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh; - Thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp; - Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; - Sửa đổi, bổ sung hoặc bị đình chỉ, thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động;	BPPC	24h kể từ khi xảy ra sự kiện	
18	Quyết định về việc: - Tổ chức lại doanh nghiệp (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp), giải thể, phá sản doanh nghiệp; - Thay đổi mã số thuế, thay đổi tên công ty, con dấu của công ty; - Thay đổi địa điểm;	BPPC	24h kể từ khi xảy ra sự kiện	

STT	Loại thông tin công bố	Đơn vị cung cấp thông tin	Thời hạn công bố thông tin	Biểu mẫu
	- Thành lập mới hoặc đóng cửa trụ sở chính, chi nhánh, nhà máy, văn phòng đại diện; - Ban hành, sửa đổi, bổ sung Điều lệ;			
19	Khi nhận được quyết định khởi tố đối với Công ty, người nội bộ của Công ty; tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người nội bộ của Công ty	BPPC	24h kể từ khi xảy ra sự kiện	
20	Khi nhận được bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án liên quan đến hoạt động của Công ty	BPPC	24h kể từ khi xảy ra sự kiện	
21	Công ty nhận được thông báo của Tòa án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp	BPPC	24h kể từ khi xảy ra sự kiện	
22	Quyết định về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, thời gian trả cổ tức;	BP QLCD	24h kể từ khi xảy ra sự kiện	
23	Thông tin liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu	BP QLCD		
a	Thực hiện quyền tham dự họp ĐHĐCĐ		Trước tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến	
b	Thực hiện quyền khác		Trước tối thiểu 10 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến	
24	Tổ chức đại hội đồng cổ đông bất thường (thông báo mời họp và các tài liệu cuộc họp)	BP QLCD	Trước ít nhất 21 ngày trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ	Theo quy định của Luật Doanh nghiệp

STT	Loại thông tin công bố	Đơn vị cung cấp thông tin	Thời hạn công bố thông tin	Biểu mẫu
25	Lấy ý kiến ĐHĐCĐ bằng văn bản	BP QLCĐ	Trước ít nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến	Theo quy định của Luật Doanh nghiệp
26	Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất thường	BP QLCĐ	24h kể từ khi xảy ra sự kiện	
27	- Công ty thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ; - Nhận được đơn xin từ chức của người nội bộ.	Ban NSHC	24h kể từ khi xảy ra sự kiện	Phụ lục III Thông tư 96
C	Công bố thông tin theo yêu cầu của UBCKNN, SGDCK			
1	Sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư	BPPC	24h kể từ khi xảy ra sự kiện	
2	Có thông tin liên quan đến Công ty ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán và cần phải xác nhận thông tin đó		24h kể từ khi xảy ra sự kiện	
D	Công bố thông tin các hoạt động khác			
1	Hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn	Ban Tài chính	Thực hiện theo quy định pháp luật về chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn	
2	Giao dịch mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ	Ban Tài chính	Thực hiện theo quy định pháp luật về mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ	
3	Tổng tài sản (ghi trong sổ kế toán) giảm hơn 10% do mua lại cổ phiếu của chính mình	Ban Tài chính	15 ngày kể từ ngày hoàn tất thanh toán	

STT	Loại thông tin công bố	Đơn vị cung cấp thông tin	Thời hạn công bố thông tin	Biểu mẫu
4	Tỷ lệ sở hữu nước ngoài	BPPC	Thực hiện theo quy định pháp luật chứng khoán hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam	
E	Công bố thông tin của đối tượng khác			
1	Tổ chức, cá nhân khi trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn. (Cũng áp dụng đối với nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của công ty đại chúng; nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết)	BP QLCE	03 ngày làm việc sau khi nhận được báo cáo liên quan của các đối tượng này	
2	Cổ đông lớn khi có thay đổi về số lượng cổ phiếu sở hữu qua các ngưỡng 1% số cổ phiếu có quyền biểu quyết. (Cũng áp dụng đối với nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của công ty đại chúng; nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết)	BP QLCE		
3	Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ của Công ty và người có liên quan	BP QLCE		
4	Thông tin về việc nhận được đề nghị chào mua công khai	BP QLCE	Thực hiện theo quy định pháp luật về chào mua công khai	

Ghi chú: Trường hợp do điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ, do yêu cầu công việc hoặc theo chỉ đạo của Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc mà đơn vị cung cấp thông tin theo quy định tại Phụ lục này không trực tiếp nắm giữ thông tin, thì đơn vị đang nắm giữ hoặc tiếp nhận thông tin có trách nhiệm cung cấp đầy đủ, kịp thời cho đơn vị phụ trách công bố thông tin để bảo đảm việc công bố được thực hiện theo đúng quy định.